

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ các xã, phường chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho lao động hợp đồng làm giáo viên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng lao động hợp đồng làm giáo viên được hỗ trợ kinh phí trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh năm học 2025 - 2026 theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13519/TTr-STC ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ các xã, phường chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho lao động hợp đồng làm giáo viên, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số kinh phí bổ sung có mục tiêu: 7.725.801.000 đồng (bảy tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm lẻ một nghìn đồng).

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 (kinh phí tuyển dụng giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; một số chế độ, chính sách giáo dục và nhiệm vụ phát sinh khác).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính và đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ, tài liệu báo cáo và việc đảm bảo nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi và các điều kiện bổ sung dự toán, giao dự toán theo đúng quy định của pháp luật (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định). Kinh phí bổ sung có mục tiêu được giao tại Quyết định này chỉ phê duyệt tổng số nhằm bổ sung nguồn lực từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ; UBND tỉnh không phê duyệt chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi cụ thể; các đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi dự toán kinh phí được bổ sung và tuân thủ đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức, thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí, đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm định kỳ tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất đối với các nội dung UBND tỉnh quyết định phân bổ, giao dự toán các khoản HĐND tỉnh chưa phân bổ chi tiết, theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; báo cáo kết quả nội dung tham mưu đã được phê duyệt tại phiên họp gần nhất của UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường được bổ sung kinh phí:

a) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi phân bổ, sử dụng, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh

bach, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm; sử dụng kinh phí được bổ sung và chủ động cân đối từ nguồn ngân sách địa phương nếu còn thiếu để thực hiện các chính sách, chế độ, bảo đảm chi trả kịp thời; đồng thời, thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm trong việc xác định cơ cấu giáo viên văn hóa, giáo viên đặc thù còn thiếu để ký hợp đồng lao động tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý, đảm bảo đồng bộ cơ cấu các môn học, không để thừa thiếu cục bộ; đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các trường thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm việc ký kết lao động hợp đồng làm giáo viên được thực hiện đúng quy định, hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế.

c) Thủ trưởng đơn vị và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình. Trường hợp thực hiện chế độ, chính sách không đúng quy định, các đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp trả ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc chức năng, nhiệm vụ; kịp thời báo cáo UBND tỉnh nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Giao Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của cấp ngân sách, đơn vị lập dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách được bổ sung kinh phí có mục tiêu tại Quyết định này; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nếu có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND các xã, phường có tên tại phụ lục;
- Lưu: VT, KTTC, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục:
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC XÃ, PHƯỜNG CHI TRẢ
LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP CHO
LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG LÀM GIÁO VIÊN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng.

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
	Tổng cộng	7.725.801	
1	Phường Nguyệt Viên	168.587	
2	Phường Sầm Sơn	407.541	
3	Phường Ngọc Sơn	242.416	
4	Xã Hà Long	98.711	
5	Xã Tổng Sơn	385.879	
6	Xã Thọ Ngọc	108.937	
7	Xã Đông Thành	253.354	
8	Xã Vạn Lộc	203.020	
9	Xã Hoằng Sơn	33.182	
10	Xã Lưu Vệ	44.989	
11	Xã Tiên Trang	479.904	
12	Xã Nông Cống	359.913	
13	Xã Trường Vãn	51.414	
14	Xã An Nông	136.289	
15	Xã Triệu Lộc	229.433	
16	Xã Yên Phú	359.912	
17	Xã Yên Ninh	281.165	
18	Xã Định Hòa	109.096	
19	Xã Thiệu Hóa	62.123	
20	Xã Thiệu Trung	66.581	
21	Xã Thiệu Tiến	69.451	
22	Xã Thiệu Toán	134.919	
23	Xã Vĩnh Lộc	378.491	
24	Xã Kim Tân	175.477	
25	Xã Vân Du	106.100	

STT	Tên địa phương	Kinh phí bổ sung có mục tiêu	Ghi chú
26	Xã Thạch Bình	249.761	
27	Xã Thạch Quảng	313.539	
28	Xã Thành Vinh	500.155	
29	Xã Cẩm Thủy	48.123	
30	Xã Ngọc Lặc	688.686	
31	Xã Thạch Lập	138.382	
32	Xã Kiên Thọ	221.140	
33	Xã Minh Sơn	151.428	
34	Xã Nguyệt Ấn	285.206	
35	Xã Phú Lệ	48.468	
36	Xã Trung Hạ	134.029	